

KẾ HOẠCH
Về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 05 năm
giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn xã Nghĩa Giang

Căn cứ Quyết định số 573/QĐ-UBND ngày 06/8/2026 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc ban hành Kế hoạch phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo giai đoạn 2026 - 2030; UBND xã Nghĩa Giang ban hành Kế hoạch phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 05 năm giai đoạn 2026 - 2030, cụ thể như sau:

I. ĐÁNH GIÁ KHÁI QUÁT THỰC TRẠNG

1. Kết quả đạt được

- Trong thời gian qua, việc ứng dụng khoa học, công nghệ và chuyển đổi số trên địa bàn xã từng bước được quan tâm. UBND xã đã triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác chỉ đạo, điều hành; sử dụng các hệ thống quản lý văn bản, thư điện tử công vụ, dịch vụ công trực tuyến và các nền tảng số phục vụ người dân.

- Công tác cải cách hành chính từng bước gắn với ứng dụng công nghệ thông tin; việc tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính được thực hiện theo hướng công khai, minh bạch, tạo thuận lợi cho người dân và tổ chức.

- Trong sản xuất, người dân từng bước áp dụng các tiến bộ kỹ thuật, giống mới, cơ giới hóa, các phương thức sản xuất an toàn và một số hình thức ứng dụng công nghệ số trong quảng bá, tiêu thụ sản phẩm.

- Các tổ chức chính trị - xã hội, đoàn viên, hội viên và người dân bước đầu tiếp cận các nền tảng số, thanh toán không dùng tiền mặt, thương mại điện tử và các ứng dụng phục vụ đời sống.

2. Hạn chế

- Hoạt động khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo ở cấp xã còn chưa đồng bộ, chưa hình thành được hệ thống cơ sở dữ liệu chuyên sâu về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, nguồn lực đầu tư cho khoa học, công nghệ còn hạn chế, một bộ phận người dân chưa có kỹ năng ứng dụng công nghệ số.

- Việc ứng dụng công nghệ trong sản xuất nông nghiệp còn ở quy mô nhỏ, hoạt động đổi mới công nghệ của doanh nghiệp, hợp tác xã còn hạn chế, việc số hóa sản phẩm, truy xuất nguồn gốc, thương mại điện tử chưa đồng đều, chưa có nhiều mô hình đổi mới sáng tạo có khả năng nhân rộng.

3. Nguyên nhân

Nguồn kinh phí đầu tư cho khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo có điểm hạn chế, nhân lực chuyên sâu về công nghệ còn thiếu, một bộ phận người dân, cơ sở sản xuất còn tâm lý e ngại thay đổi phương thức sản xuất truyền thống,

việc kết nối giữa chính quyền, doanh nghiệp, hợp tác xã, trường học và các tổ chức khoa học công nghệ chưa thường xuyên.

II. QUAN ĐIỂM

1. Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo là một trong những động lực quan trọng để nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, phát triển kinh tế - xã hội và nâng cao đời sống Nhân dân.

2. Phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo phải gắn chặt với chuyển đổi số, cải cách hành chính, xây dựng chính quyền số, kinh tế số và xã hội số.

3. Lấy người dân, doanh nghiệp, hợp tác xã làm trung tâm của hoạt động đổi mới sáng tạo.

4. Huy động tổng hợp các nguồn lực nhà nước và xã hội; khuyến khích doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh và người dân tham gia đầu tư, ứng dụng khoa học, công nghệ.

III. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Đến năm 2030, tạo chuyển biến rõ nét trong nhận thức và hành động về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn xã Nghĩa Giang; nâng cao năng lực ứng dụng công nghệ trong quản lý nhà nước, sản xuất, kinh doanh và đời sống.

Từng bước xây dựng chính quyền số hiện đại, quản trị dựa trên dữ liệu; sản xuất nông nghiệp ứng dụng tiến bộ kỹ thuật; doanh nghiệp, hợp tác xã chủ động đổi mới công nghệ; người dân có kỹ năng số, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững.

IV. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU CỤ THỂ ĐẾN NĂM 2030

1. Về chính quyền và quản lý nhà nước

- 100% cán bộ, công chức được tuyên truyền, bồi dưỡng kiến thức về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- 100% cán bộ, công chức sử dụng thành thạo các hệ thống thông tin được triển khai.

- 100% hồ sơ công việc đủ điều kiện được xử lý trên môi trường điện tử.

- Xây dựng ít nhất 01 hệ thống dashboard trên cơ sở dữ liệu phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

2. Về sáng kiến, đổi mới sáng tạo

- Hằng năm phát động phong trào sáng kiến, cải tiến, phấn đấu có ít nhất 02 sáng kiến hoặc giải pháp mới mỗi năm.

- Đến năm 2030 có ít nhất 10 sáng kiến, giải pháp được áp dụng, mỗi năm lựa chọn ít nhất 01 sáng kiến có khả năng nhân rộng.

3. Về nông nghiệp

- Triển khai ít nhất 03 mô hình ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, trong đó 01 - 02 mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ số phù hợp.

- Tăng cường ứng dụng giống mới, cơ giới hóa, tưới tiết kiệm và công nghệ sinh học, đồng thời hỗ trợ số hóa quy trình sản xuất đối với các sản phẩm có điều kiện.

4. Về sản phẩm địa phương

- 100% sản phẩm OCOP và sản phẩm chủ lực được số hóa thông tin.
- Phân đầu ít nhất 80% sản phẩm phù hợp được áp dụng mã QR truy xuất nguồn gốc, đồng thời hỗ trợ chủ thể sản phẩm tiếp cận thương mại điện tử.

5. Về doanh nghiệp, hợp tác xã

- 100% HTX có nhu cầu được tư vấn, hỗ trợ chuyển đổi số.
- Ít nhất 50 hộ kinh doanh được hướng dẫn ứng dụng thương mại điện tử, khuyến khích doanh nghiệp, hợp tác xã đổi mới máy móc, thiết bị và quy trình sản xuất.

6. Về người dân

Ít nhất 80% người dân trong độ tuổi lao động được tuyên truyền, hướng dẫn kỹ năng số, 85% dân số trưởng thành thanh toán không dùng tiền mặt. 95% tỷ lệ người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

(Phân công theo dõi, thực hiện mục tiêu cụ thể tại Phụ lục kèm theo)

V. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Nâng cao nhận thức, đổi mới tư duy và tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo đối với khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

- Xác định khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo là một trong những giải pháp quan trọng để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, cải thiện chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp và tạo động lực phát triển mới trên địa bàn xã.

- Tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng, sự chỉ đạo, điều hành của UBND xã; phát huy vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong tổ chức thực hiện các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; đưa nội dung ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trở thành nhiệm vụ thường xuyên trong chương trình công tác hằng năm của UBND xã và từng cơ quan, tổ chức, đơn vị.

- Đổi mới phương thức tuyên truyền theo hướng thiết thực, dễ hiểu, dễ áp dụng; chuyển từ tuyên truyền đơn thuần sang hướng dẫn người dân, cán bộ, tổ chức, doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh trực tiếp sử dụng các sản phẩm, nền tảng, dịch vụ công nghệ số.

- Tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày Khoa học và Công nghệ Việt Nam, Ngày Chuyển đổi số quốc gia, các phong trào đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số cộng đồng; biểu dương, giới thiệu các sáng kiến, mô hình, cách làm hiệu quả của cán bộ, công chức, thôn, trường học, cơ sở sản xuất, kinh doanh và người dân.

- Khuyến khích cán bộ, công chức mạnh dạn đề xuất sáng kiến cải tiến quy trình xử lý công việc, ứng dụng công nghệ mới, sử dụng dữ liệu trong quản

lý và giải quyết công việc; hình thành tư duy “mỗi cán bộ là một nhân tố đổi mới, mỗi cơ quan, tổ chức, đơn vị là một môi trường đổi mới”.

2. Hoàn thiện cơ chế phối hợp, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

- Rà soát, cụ thể hóa các chủ trương, chính sách của Trung ương và của tỉnh về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số để triển khai phù hợp với điều kiện thực tế của xã Nghĩa Giang.

- Hằng năm, căn cứ nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách và định hướng của cấp trên, UBND xã xây dựng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trọng tâm; ưu tiên những nhiệm vụ trực tiếp giải quyết các vấn đề thực tiễn của địa phương, có khả năng ứng dụng và tạo hiệu quả rõ rệt.

- Tăng cường phối hợp giữa các cơ quan chuyên môn của UBND xã, Công an xã, các trường học, Trạm Y tế, các thôn, Ủy ban MTTQ Việt Nam xã, các tổ chức chính trị - xã hội, hợp tác xã, hộ kinh doanh và cộng đồng dân cư trong triển khai các nhiệm vụ.

- Thường xuyên rà soát những khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn quản lý và đời sống nhân dân để xác định các nội dung cần ứng dụng khoa học, công nghệ giải quyết; chú trọng các vấn đề như quản lý dân cư, đất đai, môi trường, sản xuất nông nghiệp, thương mại, dịch vụ, cải cách hành chính, an sinh xã hội, phòng chống thiên tai và bảo đảm an ninh trật tự.

- Định kỳ đánh giá kết quả thực hiện, kịp thời điều chỉnh các nhiệm vụ chưa phù hợp; không triển khai dàn trải, hình thức mà tập trung vào những nhiệm vụ có khả năng tạo chuyển biến thực chất.

3. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong hoạt động quản lý, điều hành của UBND xã

- Tập trung xây dựng chính quyền số, nâng cao hiệu quả quản trị dựa trên dữ liệu và công nghệ; tiếp tục sử dụng hiệu quả hệ thống quản lý văn bản và điều hành, thư điện tử công vụ, chữ ký số, hệ thống giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến và các nền tảng số dùng chung.

- Từng bước chuẩn hóa, số hóa hồ sơ, tài liệu và quy trình nghiệp vụ; hạn chế việc xử lý công việc thủ công, trùng lặp, sử dụng giấy tờ không cần thiết. Đối với những hồ sơ đủ điều kiện, thực hiện số hóa ngay trong quá trình tiếp nhận, giải quyết và lưu trữ.

- Rà soát các quy trình nội bộ của UBND xã để xác định những công đoạn có thể ứng dụng công nghệ nhằm rút ngắn thời gian xử lý, giảm chi phí và nâng cao tính minh bạch.

- Từng bước hình thành hệ thống dữ liệu phục vụ quản lý, điều hành của xã trên cơ sở khai thác các cơ sở dữ liệu dùng chung, cơ sở dữ liệu quốc gia và dữ liệu chuyên ngành theo đúng quy định; bảo đảm dữ liệu được cập nhật, chính xác, thống nhất và có khả năng phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành.

- Nghiên cứu xây dựng bảng điều hành số (dashboard) của UBND xã để tổng hợp các nhóm thông tin phục vụ lãnh đạo theo dõi tình hình kinh tế - xã

hội, cải cách hành chính, chuyển đổi số, giải quyết thủ tục hành chính, an sinh xã hội, sản xuất, môi trường và các nhiệm vụ trọng tâm khác.

- Từng bước ứng dụng các công cụ phân tích dữ liệu, tự động hóa và trí tuệ nhân tạo ở mức phù hợp để hỗ trợ tổng hợp báo cáo, phân tích số liệu, tra cứu văn bản, xây dựng kế hoạch và xử lý các công việc hành chính; bảo đảm việc sử dụng công nghệ tuân thủ quy định về bảo mật, an toàn thông tin và trách nhiệm của cán bộ thực hiện.

4. Phát triển hạ tầng số, hạ tầng công nghệ và bảo đảm điều kiện vật chất phục vụ đổi mới sáng tạo

- Tổ chức rà soát, đánh giá toàn bộ hiện trạng máy tính, thiết bị mạng, máy in, máy quét, thiết bị hội nghị trực tuyến, hệ thống lưu trữ và các thiết bị công nghệ thông tin tại UBND xã, các cơ quan chuyên môn và đơn vị trực thuộc.

- Xác định rõ thiết bị đang sử dụng tốt, thiết bị cần sửa chữa, nâng cấp, thay thế; xây dựng kế hoạch đầu tư theo thứ tự ưu tiên, bảo đảm sử dụng ngân sách tiết kiệm, hiệu quả, tránh đầu tư dàn trải và trùng lặp.

- Từng bước nâng cấp hạ tầng mạng nội bộ, đường truyền Internet, hệ thống WiFi, thiết bị bảo mật và các điều kiện kỹ thuật cần thiết để bảo đảm hoạt động ổn định của các nền tảng số. Ưu tiên đầu tư những thiết bị trực tiếp phục vụ cải cách hành chính, giải quyết thủ tục hành chính, số hóa hồ sơ, quản lý dữ liệu, hội họp trực tuyến và điều hành công việc.

- Khuyến khích huy động nguồn lực xã hội hóa hợp pháp để hỗ trợ trang thiết bị, nền tảng, giải pháp công nghệ phục vụ người dân và cộng đồng; việc huy động, tiếp nhận và sử dụng nguồn lực phải công khai, minh bạch, đúng quy định.

- Gắn phát triển hạ tầng số với yêu cầu bảo đảm an toàn thông tin; thực hiện sao lưu dữ liệu, quản lý tài khoản, phân quyền truy cập, cập nhật phần mềm và các biện pháp phòng ngừa nguy cơ mất an toàn dữ liệu.

5. Phát triển dữ liệu số, từng bước hình thành nền tảng quản trị dựa trên dữ liệu

- Xác định dữ liệu là một nguồn lực quan trọng phục vụ quản lý, điều hành và phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Tổ chức rà soát các loại dữ liệu đang được quản lý tại UBND xã và các đơn vị trên địa bàn; xác định dữ liệu nào đã có, dữ liệu nào còn thiếu, dữ liệu nào cần chuẩn hóa, cập nhật và kết nối với các hệ thống dùng chung. Ưu tiên các nhóm dữ liệu phục vụ trực tiếp công tác quản lý nhà nước và đời sống người dân như: dân cư, hộ tịch, an sinh xã hội, đất đai, sản xuất nông nghiệp, hộ kinh doanh, cơ sở sản xuất, giáo dục, y tế, môi trường, các công trình hạ tầng và các dữ liệu phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

- Thực hiện số hóa, chuẩn hóa và cập nhật dữ liệu theo nguyên tắc “đúng, đủ, sạch, sống”; hạn chế tình trạng dữ liệu phân tán, trùng lặp hoặc không được cập nhật.

- Khai thác dữ liệu để phục vụ xây dựng báo cáo, dự báo, lập kế hoạch và ra quyết định; từng bước chuyển từ phương thức quản lý chủ yếu dựa trên hồ sơ giấy sang phương thức quản trị dựa trên dữ liệu, đồng thời thực hiện nghiêm các quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân, bí mật nhà nước, an toàn thông tin mạng; chỉ khai thác, chia sẻ dữ liệu trong phạm vi được phép.

6. Phát triển nguồn nhân lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

- Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có kiến thức, kỹ năng và tư duy đổi mới đáp ứng yêu cầu xây dựng chính quyền số.

- Hàng năm tổ chức hoặc cử cán bộ, công chức tham gia các lớp tập huấn về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, dữ liệu số, an toàn thông tin, kỹ năng sử dụng các nền tảng số và ứng dụng trí tuệ nhân tạo. Chú trọng đào tạo theo vị trí việc làm, tránh đào tạo chung chung; cán bộ phụ trách lĩnh vực nào được trang bị kiến thức, kỹ năng phù hợp với lĩnh vực đó.

- Tăng cường kỹ năng khai thác dữ liệu, lập báo cáo điện tử, xử lý hồ sơ số, sử dụng chữ ký số, họp trực tuyến, làm việc trên môi trường mạng và sử dụng các công cụ hỗ trợ bằng trí tuệ nhân tạo một cách an toàn, có trách nhiệm.

- Phát huy vai trò của cán bộ trẻ, cán bộ có năng lực công nghệ thông tin làm lực lượng nòng cốt hỗ trợ chuyển đổi số, hướng dẫn đồng nghiệp và người dân; khuyến khích cán bộ, công chức đề xuất sáng kiến cải tiến phương pháp làm việc; lựa chọn các sáng kiến có tính thực tiễn để áp dụng, nhân rộng.

7. Đẩy mạnh đổi mới sáng tạo trong cộng đồng, xây dựng các mô hình “thôn số”, “công dân số” và “bình dân học vụ số”

- Phát huy vai trò của Tổ công nghệ số cộng đồng, Ban công tác Mặt trận, các tổ chức đoàn thể, đoàn viên, thanh niên, hội viên và lực lượng nòng cốt tại 11 thôn trong việc đưa khoa học, công nghệ và kỹ năng số đến gần người dân.

- Tổ chức hướng dẫn người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến, tài khoản định danh điện tử, thanh toán không dùng tiền mặt, các ứng dụng số thiết yếu, thương mại điện tử và các tiện ích số phục vụ đời sống.

- Triển khai phong trào “Bình dân học vụ số” theo hướng “cầm tay chỉ việc”, ưu tiên người cao tuổi, người ít tiếp xúc với công nghệ, hộ nghèo, hộ cận nghèo, người lao động và các nhóm còn hạn chế về kỹ năng số.

- Từng bước xây dựng mô hình “Thôn số”, trong đó tập trung vào các nội dung: thông tin liên lạc số, thanh toán số, dịch vụ công trực tuyến, tuyên truyền số, sản xuất - kinh doanh trên môi trường số và bảo đảm an toàn khi sử dụng Internet.

- Mỗi thôn lựa chọn một số nội dung phù hợp để triển khai, không chạy theo hình thức; chú trọng đánh giá bằng kết quả sử dụng thực tế của người dân.

- Khuyến khích hình thành các nhóm hỗ trợ công nghệ tại cộng đồng; phát huy đoàn viên, thanh niên làm lực lượng hướng dẫn người dân tiếp cận và sử dụng công nghệ.

8. Ứng dụng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phục vụ phát triển kinh tế địa phương

- Tập trung hỗ trợ người dân, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh và cơ sở sản xuất ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ phù hợp với điều kiện thực tế của xã.

- Khuyến khích ứng dụng công nghệ vào sản xuất nông nghiệp theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng, giảm chi phí, tiết kiệm nước, phân bón và vật tư; từng bước áp dụng các giải pháp sản xuất an toàn, thân thiện môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Hỗ trợ các cơ sở sản xuất, hộ kinh doanh từng bước sử dụng mã QR, thanh toán không dùng tiền mặt, mạng xã hội, sàn thương mại điện tử và các nền tảng số để quảng bá, giới thiệu và tiêu thụ sản phẩm.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ trong truy xuất nguồn gốc, quản lý chất lượng và xây dựng thương hiệu đối với những sản phẩm có tiềm năng phát triển của địa phương.

- Khuyến khích xây dựng các mô hình sản xuất mới, mô hình liên kết giữa người dân - hợp tác xã - doanh nghiệp; chú trọng liên kết từ sản xuất đến chế biến, quảng bá và tiêu thụ sản phẩm.

- Phối hợp với các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh để tiếp cận các chương trình hỗ trợ về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, sở hữu trí tuệ, tiêu chuẩn - đo lường - chất lượng, chuyển giao công nghệ và phát triển sản phẩm.

9. Thúc đẩy hoạt động sáng kiến, cải tiến kỹ thuật và khởi nghiệp đổi mới sáng tạo

- Phát động phong trào sáng kiến, cải tiến trong cán bộ, công chức, người lao động, giáo viên, đoàn viên, hội viên, hợp tác xã, hộ kinh doanh và cộng đồng dân cư.

- Tập trung vào những sáng kiến có khả năng giải quyết các vấn đề cụ thể của xã như: giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính; nâng cao chất lượng phục vụ nhân dân; tiết kiệm ngân sách; quản lý tài sản; vệ sinh môi trường; sản xuất nông nghiệp; phòng chống thiên tai; bảo đảm an ninh trật tự; giáo dục, y tế và an sinh xã hội.

- Định kỳ tổ chức lựa chọn, biểu dương các sáng kiến có giá trị thực tiễn; khuyến khích các sáng kiến nhỏ nhưng giải quyết được công việc cụ thể, tránh quan niệm chỉ những đề tài lớn mới được coi là đổi mới sáng tạo.

- Khuyến khích thanh niên, phụ nữ, nông dân, chủ hộ kinh doanh và các nhóm cộng đồng tham gia các chương trình khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo của tỉnh; tạo điều kiện để các ý tưởng có tiềm năng được kết nối với các đơn vị tư vấn, doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp.

10. Tăng cường liên kết, huy động nguồn lực và tổ chức thực hiện hiệu quả

- Chủ động phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan chuyên môn của tỉnh để tiếp nhận hướng dẫn, chuyển giao công nghệ, đào tạo nhân lực và triển khai các nhiệm vụ khoa học, công nghệ phù hợp với địa phương.

- Ưu tiên những giải pháp có chi phí hợp lý, dễ vận hành, dễ mở rộng, có khả năng sử dụng lâu dài và phù hợp với điều kiện nguồn lực của cấp xã. Lồng ghép nguồn lực từ các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, cải cách hành chính, chuyển đổi số, xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo, phát triển sản xuất và các chương trình khác để thực hiện nhiệm vụ phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo.

- Sử dụng ngân sách nhà nước theo đúng quy định, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, công khai và minh bạch; đồng thời đẩy mạnh huy động nguồn lực xã hội hóa hợp pháp. Hằng năm xây dựng danh mục nhiệm vụ phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo ưu tiên; xác định rõ nội dung, đơn vị chủ trì, đơn vị phối hợp, thời gian thực hiện, nguồn lực và kết quả đầu ra.

- Thực hiện chế độ kiểm tra, giám sát, đánh giá định kỳ; lấy kết quả ứng dụng thực tế làm thước đo chủ yếu. Đối với các mô hình triển khai hiệu quả, tổ chức tổng kết, đánh giá và nhân rộng; đối với mô hình không phù hợp, kịp thời điều chỉnh hoặc dừng triển khai để tránh lãng phí nguồn kinh phí.

VI. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Kế hoạch này được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành và huy động từ các nguồn tài trợ, đầu tư hợp pháp khác.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Văn hóa - Xã hội

- Là cơ quan đầu mối, chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức, đơn vị tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này. Định kỳ hằng năm (*trước ngày 25/12*) báo cáo UBND xã và gửi Sở Khoa học và Công nghệ theo quy định.

- Tham mưu đề xuất các chương trình, nhiệm vụ để khuyến khích phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo trên địa bàn xã.

2. Phòng Kinh tế

Chủ trì tham mưu bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch theo khả năng cân đối ngân sách địa phương và quy định hiện hành; ưu tiên nguồn lực cho các chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo có tác động lan tỏa lớn đối với phát triển kinh tế - xã hội của xã.

3. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị liên quan

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao chủ động xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai các nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số gắn với yêu cầu phát triển ngành, lĩnh vực.

- Chủ động đề xuất nhu cầu ứng dụng công nghệ và đổi mới sáng tạo phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước và chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp.

- Phối hợp với Phòng Văn hóa - Xã hội xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ; triển khai xây dựng cơ sở dữ liệu; phát triển hạ tầng số; thúc đẩy chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo.

- Tăng cường ứng dụng khoa học, công nghệ, công nghệ số và dữ liệu số trong công tác quản lý, điều hành, cải cách hành chính.

- Chủ động phối hợp với doanh nghiệp, hợp tác xã, các tổ chức khoa học và công nghệ trong nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao công nghệ và triển khai các mô hình đổi mới sáng tạo phục vụ phát triển địa phương.

- Tăng cường chia sẻ, kết nối dữ liệu và phối hợp liên ngành nhằm nâng cao hiệu quả triển khai các nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn xã.

- Thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo định kỳ trước ngày 05 tháng 12 hằng năm và đột xuất, gửi UBND xã (*qua Phòng Văn hóa - Xã hội*) để tổng hợp chung, báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định.

4. Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan kịp thời báo cáo UBND xã (*qua Phòng Văn hóa - Xã hội*) để xem xét điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp.

Trên đây là Kế hoạch khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 05 năm giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn xã Nghĩa Giang; đề nghị các cơ quan, tổ chức, đơn vị triển khai, thực hiện./.

Nơi nhận:

- Sở Khoa học và Công nghệ;
- Thường trực Đảng ủy xã (báo cáo);
- Thường trực HĐND xã (báo cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- UBMTTQVN xã;
- Các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc xã;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tấn Lực